

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ TUYỂN SINH THẠC SĨ NĂM 2021

TT	Mã hồ sơ	HỌ VÀ TÊN	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	02210105	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/11/1987	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
2	02210230	NGUYỄN THỊ CHINH	Nữ	08/05/1981	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
3	02210157	NGÔ ĐỨC CƯỜNG	Nam	16/04/1984	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
4	02210429	LẠI VĂN DŨNG	Nam	05/09/1993	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
5	02210057	LÊ THỊ HÒA	Nữ	28/11/1989	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
6	02210011	ĐỖ THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	08/12/1992	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
7	02210592	TRẦN TIỀN MẠNH	Nam	01/10/1986	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
8	02210300	VƯƠNG ĐỨC NAM	Nam	31/10/1992	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
9	02210366	ĐỖ VĂN QUYẾT	Nam	09/11/1981	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
10	02210544	TRẦN THỊ THANH THANH	Nữ	17/11/1991	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
11	02210582	NGUYỄN VĂN THIẾU	Nam	25/05/1992	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
12	02210305	LA THỊ THƯƠNG	Nữ	05/06/1991	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
13	02210039	PHẠM KIỀU HUYỀN TRANG	Nữ	20/12/1994	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
14	02210353	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	01/02/1995	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
15	02210295	VŨ ĐÌNH TÙNG	Nam	03/12/1989	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
16	02210487	THIỀU THỊ THANH VÂN	Nữ	31/08/1991	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
17	02210848	LƯU ĐỨC VƯỢNG	Nam	26/02/1992	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi
18	02210507	CAO THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	19/01/1994	Da liễu	Miễn thi
19	02210255	DƯƠNG PHÚC HIẾU	Nam	25/01/1995	Da liễu	Miễn thi
20	02210851	PHẠM DIỆU HOA	Nữ	25/11/1993	Da liễu	Miễn thi
21	02210236	TẠ HUYỀN MY	Nữ	14/02/1995	Da liễu	Miễn thi
22	02210271	TRẦN QUANG TRÍ	Nam	02/08/1993	Dịch tễ học	Miễn thi
23	02210844	TRIỀU NGỌC ANH	Nữ	09/09/1985	Điều dưỡng	Miễn thi
24	02210289	NGUYỄN VĂN ĐAN	Nam	30/08/1988	Điều dưỡng	Miễn thi
25	02210665	BÙI MINH HIẾU	Nữ	02/06/1991	Điều dưỡng	Miễn thi
26	02210866	NGUYỄN THANH HIẾU	Nam	14/11/1979	Điều dưỡng	Miễn thi
27	02210256	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	Nữ	03/02/1993	Điều dưỡng	Miễn thi
28	02210695	TRẦN THỊ KHUÊ	Nữ	21/11/1981	Điều dưỡng	Miễn thi
29	02210551	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Nữ	24/06/1983	Điều dưỡng	Miễn thi
30	02210918	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	10/11/1983	Điều dưỡng	Miễn thi
31	02210463	CHU VĂN TUYÊN	Nam	08/09/1984	Điều dưỡng	Miễn thi
32	02210443	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	15/07/1988	Điều dưỡng	Miễn thi
33	02210342	PHAN QUỐC ANH	Nam	07/08/1993	Dinh dưỡng	Miễn thi
34	02210553	TRƯƠNG XUÂN BÍCH	Nữ	17/03/1995	Dinh dưỡng	Miễn thi
35	02210241	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	12/03/1992	Dinh dưỡng	Miễn thi
36	02210742	NGUYỄN QUỲNH MAI	Nữ	11/12/1999	Dinh dưỡng	Miễn thi
37	02210087	NGUYỄN TRANG NHUNG	Nữ	25/06/1995	Dinh dưỡng	Miễn thi
38	02210702	LŨ LƯƠNG TÂM	Nữ	20/11/1988	Dinh dưỡng	Miễn thi
39	02210479	NGUYỄN THỊ HÀ THU	Nữ	06/09/1995	Dinh dưỡng	Miễn thi
40	02210083	HỒ THU THỦY	Nữ	15/10/1983	Dinh dưỡng	Miễn thi

TT	Mã hồ sơ	HỌ VÀ TÊN	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
41	02210370	VƯƠNG QUỐC ĐỨC	Nam	24/01/1992	Gây mê hồi sức	Miễn thi
42	02210302	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	16/09/1991	Gây mê hồi sức	Miễn thi
43	02210580	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	16/09/1992	Gây mê hồi sức	Miễn thi
44	02210529	NGUYỄN TUẤN LINH	Nam	31/07/1992	Gây mê hồi sức	Miễn thi
45	02210267	VŨ THANH MAI	Nữ	06/06/1987	Gây mê hồi sức	Miễn thi
46	02210201	TẠ ĐÌNH MINH	Nam	10/07/1990	Gây mê hồi sức	Miễn thi
47	02210194	LƯƠNG THỊ NGỌC	Nữ	11/01/1991	Gây mê hồi sức	Miễn thi
48	02210619	TRẦN NGỌC MẠNH TÚ	Nam	30/11/1993	Gây mê hồi sức	Miễn thi
49	02210462	ĐOÀN QUANG TUỆ	Nam	25/12/1990	Gây mê hồi sức	Miễn thi
50	02210721	NGUYỄN THỊ MINH THỨC	Nữ	30/05/1985	Giải phẫu bệnh	Miễn thi
51	02210451	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	Nữ	11/02/1994	Hóa sinh Y học	Miễn thi
52	02210276	TRẦN VĂN BẮC	Nam	04/11/1992	Hóa sinh Y học	Miễn thi
53	02210173	ĐÀM THANH HƯƠNG	Nữ	07/12/1993	Hóa sinh Y học	Miễn thi
54	02210808	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	16/01/1980	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi
55	02210776	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	21/09/1993	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi
56	02210278	BÙI MẠNH TIẾN	Nam	18/09/1989	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi
57	02210816	ĐỖ NGỌC DUÂN	Nam	09/07/1993	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Miễn thi
58	02210096	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	Nam	06/01/1996	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Miễn thi
59	02210309	TRẦN TRUNG HÒA	Nam	27/07/1982	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Miễn thi
60	02210782	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	19/09/1987	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Miễn thi
61	02210850	TRẦN ANH QUÂN	Nam	20/01/1996	Mô phôi thai học	Miễn thi
62	02210558	BÙI TÙNG ANH	Nam	17/03/1994	Ngoại khoa	Miễn thi
63	02210346	CHU PHI ANH	Nam	16/12/1989	Ngoại khoa	Miễn thi
64	02210476	LÊ ĐỨC ANH	Nam	06/02/1992	Ngoại khoa	Miễn thi
65	02210217	DƯƠNG VIỆT CƯỜNG	Nam	29/10/1990	Ngoại khoa	Miễn thi
66	02210506	NGUYỄN ANH ĐỨC	Nam	06/11/1993	Ngoại khoa	Miễn thi
67	02210514	TRỊNH TUẤN DƯƠNG	Nam	13/06/1990	Ngoại khoa	Miễn thi
68	02210417	TRẦN THU HÀ	Nữ	16/11/1991	Ngoại khoa	Miễn thi
69	02210806	NGUYỄN NGỌC HẢI	Nam	04/03/1991	Ngoại khoa	Miễn thi
70	02210724	ĐỖ CHÍ HẢO	Nam	26/08/1993	Ngoại khoa	Miễn thi
71	02210717	ĐỒNG THỊ HƯƠNG	Nữ	25/02/1993	Ngoại khoa	Miễn thi
72	02210503	PHẠM NGỌC LỢI	Nam	17/12/1994	Ngoại khoa	Miễn thi
73	02210554	LÊ TRỌNG LUẬT	Nam	03/02/1994	Ngoại khoa	Miễn thi
74	02210261	NGUYỄN HỮU SÂM	Nam	05/12/1995	Ngoại khoa	Miễn thi
75	02210609	NGUYỄN MỘC SƠN	Nam	18/10/1988	Ngoại khoa	Miễn thi
76	02210766	HOÀNG MINH THẮNG	Nam	27/10/1986	Ngoại khoa	Miễn thi
77	02210781	VÕ VĂN THANH	Nam	25/04/1987	Ngoại khoa	Miễn thi
78	02210214	NGUYỄN XUÂN HUNG THỊNH	Nam	20/11/1992	Ngoại khoa	Miễn thi
79	02210615	PHẠM QUỐC TRÍ	Nam	18/12/1991	Ngoại khoa	Miễn thi
80	02210910	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	31/03/1991	Ngoại khoa	Miễn thi
81	02210032	MỸ DUY TÙNG	Nam	26/01/1990	Ngoại khoa	Miễn thi
82	02210685	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	29/06/1988	Nhân khoa	Miễn thi
83	02210242	TÔN VIỆT DŨNG	Nam	30/03/1991	Nhân khoa	Miễn thi
84	02210099	TRẦN LÊ PHƯƠNG LOAN	Nữ	10/06/1993	Nhân khoa	Miễn thi
85	02210007	PHÙNG VĂN THANH	Nam	08/07/1993	Nhân khoa	Miễn thi

Handwritten signature

TT	Mã hồ sơ	HỌ VÀ TÊN	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
86	02210698	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	10/08/1983	Nhi khoa	Miễn thi
87	02210425	LÊ DIỆU LINH	Nữ	10/05/1992	Nhi khoa	Miễn thi
88	02210703	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	10/03/1988	Nhi khoa	Miễn thi
89	02210103	ĐÌNH THỊ NGỌC MAI	Nữ	04/10/1988	Nhi khoa	Miễn thi
90	02210552	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	09/07/1991	Nhi khoa	Miễn thi
91	02210351	ĐỖ HỒNG PHƯƠNG	Nữ	12/05/1994	Nhi khoa	Miễn thi
92	02210583	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	28/11/1992	Nhi khoa	Miễn thi
93	02210224	VŨ THỊ THU	Nữ	08/02/1988	Nhi khoa	Miễn thi
94	02210538	TRẦN THỊ ANH THƯƠNG	Nữ	10/09/1989	Nhi khoa	Miễn thi
95	02210196	HOÀNG THỊ BÌNH	Nữ	03/08/1992	Nội khoa	Miễn thi
96	02210392	NGUYỄN THÙY CHINH	Nữ	15/01/1989	Nội khoa	Miễn thi
97	02210364	PHẠM QUANG ĐẠT	Nam	03/12/1991	Nội khoa	Miễn thi
98	02210248	HOÀNG PHƯƠNG DUNG	Nữ	31/08/1989	Nội khoa	Miễn thi
99	02210299	LÊ VĂN HÙNG	Nam	15/04/1992	Nội khoa	Miễn thi
100	02210663	NGUYỄN BÁ KHOA	Nam	17/08/1992	Nội khoa	Miễn thi
101	02210291	TẠ MINH NGỌC	Nữ	14/07/1990	Nội khoa	Miễn thi
102	02210347	LƯU THÚY QUỲNH	Nữ	30/09/1984	Nội khoa	Miễn thi
103	02210395	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	10/12/1989	Nội khoa	Miễn thi
104	02210849	ĐẶNG THỊ VŨ DIỆU	Nữ	16/12/1985	Nội Tim mạch	Miễn thi
105	02210304	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	17/02/1993	Nội Tim mạch	Miễn thi
106	02210731	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	20/09/1993	Nội Tim mạch	Miễn thi
107	02210031	PHẠM NHẬT MINH	Nam	26/08/1987	Nội Tim mạch	Miễn thi
108	02210274	MAI THỊ PHƯƠNG	Nữ	15/08/1991	Nội Tim mạch	Miễn thi
109	02210155	TRẦN MINH PHƯƠNG	Nữ	20/01/1996	Nội Tim mạch	Miễn thi
110	02210143	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	Nam	31/03/1992	Nội Tim mạch	Miễn thi
111	02210845	VŨ HUY THÀNH	Nam	31/03/1992	Nội Tim mạch	Miễn thi
112	02210752	PHẠM XUÂN HÙNG	Nam	30/05/1993	Phẫu thuật tạo hình	Miễn thi
113	02210659	TẠ THỊ HỒNG THÚY	Nữ	10/02/1987	Phẫu thuật tạo hình	Miễn thi
114	02210095	DƯƠNG KIỀU TRANG	Nữ	15/08/1990	Phục hồi chức năng	Miễn thi
115	02210862	DƯƠNG THẾ ĐẠT	Nam	07/06/1991	Quản lý bệnh viện	Miễn thi
116	02210372	LÊ THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	01/01/1994	Quản lý bệnh viện	Miễn thi
117	02210433	ĐOÀN THỊ MÈN	Nữ	13/07/1982	Quản lý bệnh viện	Miễn thi
118	02210360	TRẦN THỊ DIỆU TRINH	Nữ	02/12/1984	Quản lý bệnh viện	Miễn thi
119	02210595	MAI THỊ DIỆP	Nữ	21/11/1987	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
120	02210894	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	15/10/1988	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
121	02210833	VŨ THỊ THANH HẰNG	Nữ	08/10/1990	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
122	02210840	CAO ANH LINH	Nữ	19/01/1995	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
123	02210145	NGUYỄN TUẤN LINH	Nam	01/09/1991	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
124	02210841	NGUYỄN TÀI LONG	Nam	15/01/1992	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
125	02210585	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	Nữ	04/08/1995	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
126	02210162	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	16/02/1995	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
127	02210324	TRẦN NHẬT YẾN	Nữ	16/12/1990	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi
128	02210644	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	Nam	04/05/1994	Sản phụ khoa	Miễn thi
129	02210868	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	28/06/1991	Sản phụ khoa	Miễn thi
130	02210431	HOÀNG THỊ CHINH	Nữ	11/06/1988	Sản phụ khoa	Miễn thi

TT	Mã hồ sơ	HỌ VÀ TÊN	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
131	02210561	ĐẶNG VĂN HÀ	Nam	02/11/1994	Sản phụ khoa	Miễn thi
132	02210484	CAO MỸ HẰNG	Nữ	25/11/1991	Sản phụ khoa	Miễn thi
133	02210812	VŨ THỊ HUỜNG	Nữ	16/01/1992	Sản phụ khoa	Miễn thi
134	02210680	VƯƠNG THỊ HUỜNG	Nữ	01/12/1991	Sản phụ khoa	Miễn thi
135	02210102	PHẠM TUẤN LINH	Nam	08/03/1992	Sản phụ khoa	Miễn thi
136	02210403	BÙI THỊ NGÀ	Nữ	04/08/1991	Sản phụ khoa	Miễn thi
137	02210163	VŨ THỊ KIM NGÂN	Nữ	26/10/1993	Sản phụ khoa	Miễn thi
138	02210273	LÊ VĂN SÂM	Nam	26/08/1992	Sản phụ khoa	Miễn thi
139	02210498	LÊ THẾ THẮNG	Nam	20/02/1991	Sản phụ khoa	Miễn thi
140	02210113	VÕ THẾ ANH	Nam	28/04/1991	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
141	02210151	NGUYỄN THỊ BÍCH	Nữ	29/06/1993	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
142	02210118	HOÀNG THỊ HẠNH	Nữ	23/07/1992	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
143	02210642	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	11/11/1986	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
144	02210021	PHAN ANH SỸ QUẾ	Nam	13/08/1988	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
145	02210178	NGUYỄN TOÀN THẮNG	Nam	05/04/1975	Tai - Mũi- Họng	Miễn thi
146	02210059	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	04/12/1985	Thần kinh	Miễn thi
147	02210557	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	23/08/1992	Thần kinh	Miễn thi
148	02210579	ĐỖ KHÁNH HÀ	Nữ	25/11/1993	Thần kinh	Miễn thi
149	02210138	HỒ DUY TUẤN ANH	Nam	17/10/1993	Ung thư	Miễn thi
150	02210671	ĐÀO HỮU DŨNG	Nam	10/06/1992	Ung thư	Miễn thi
151	02210762	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	18/10/1993	Ung thư	Miễn thi
152	02210117	NGUYỄN THỊ THÚY MỸ	Nữ	19/12/1992	Ung thư	Miễn thi
153	02210657	HỒ HOÀNG NAM	Nam	12/03/1991	Ung thư	Miễn thi
154	02210112	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	04/03/1993	Ung thư	Miễn thi
155	02210912	HOÀNG NGỌC TÙNG	Nam	17/09/1991	Ung thư	Miễn thi
156	02210206	VŨ THUY DƯƠNG	Nữ	15/01/1996	Vi sinh y học	Miễn thi
157	02210811	ĐINH THỊ THANH	Nữ	08/09/1990	Vi sinh y học	Miễn thi
158	02210736	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	Nữ	23/04/1990	Y học cổ truyền	Miễn thi
159	02210426	PHẠM HỒNG HẠNH	Nữ	04/11/1993	Y học cổ truyền	Miễn thi
160	02210086	HÀ THỊ NHẬT LINH	Nữ	15/11/1995	Y học cổ truyền	Miễn thi
161	02210518	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	28/05/1987	Y học cổ truyền	Miễn thi
162	02210148	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	30/06/1992	Y học cổ truyền	Miễn thi
163	02210621	ĐINH TRỌNG THÁI	Nam	20/07/1994	Y học cổ truyền	Miễn thi
164	02210381	VŨ VĂN TIẾN	Nam	22/01/1994	Y học cổ truyền	Miễn thi
165	02210402	LỖ THỊ BẢO YÊN	Nữ	06/07/1993	Y học cổ truyền	Miễn thi
166	02210618	ĐINH HÀ QUỲNH ANH	Nữ	25/04/1996	Y học dự phòng	Miễn thi
167	02210411	KHÔNG VĂN CƯỜNG	Nam	07/01/1992	Y học dự phòng	Miễn thi
168	02210920	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	22/01/1989	Y học dự phòng	Miễn thi
169	02210389	VŨ THỊ HỒNG NGOAN	Nữ	22/06/1991	Y học dự phòng	Miễn thi
170	02210292	TRẦN THỊ NHUNG	Nữ	23/07/1994	Y học dự phòng	Miễn thi
171	02210209	NGUYỄN THU QUỲNH	Nữ	05/11/1995	Y học dự phòng	Miễn thi
172	02210539	NGUYỄN THỊ SON	Nữ	30/07/1990	Y học dự phòng	Miễn thi
173	02210748	NGUYỄN THỊ PHÚC TÂM	Nữ	28/03/1981	Y học dự phòng	Miễn thi
174	02210745	NGUYỄN THỊ HÀ VÂN	Nữ	24/03/1996	Y học dự phòng	Miễn thi
175	02210470	BÙI VĂN ĐỨC	Nam	21/01/1993	Y học hạt nhân	Miễn thi

TT	Mã hồ sơ	HỌ VÀ TÊN	Giới	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
176	02210216	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	21/03/1994	Y học hạt nhân	Miễn thi
177	02210528	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	17/08/1993	Y học hạt nhân	Miễn thi
178	02210913	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nam	11/09/1996	Y sinh học di truyền	Miễn thi
179	02210323	ĐÀO THỊ TRANG	Nữ	13/03/1990	Y sinh học di truyền	Miễn thi
180	02210931	LÊ TRẦN HOÀNG	Nam	03/06/1997	Y tế công cộng	Miễn thi

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG SĐH

Lê Minh Giang

T